TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2025**/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chánh Bổn và bà Nguyễn Thị Liệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 503/2024/TLST- HNGĐ ngày 10/12/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Lệ H**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Lệ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 14/5/2009. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, do tính chất công việc buôn bán tiếp xúc với khách hàng nên anh T ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên gây gổ, cãi vả. Chị H xác định không còn tình cảm thương yêu với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Như Ý – sinh ngày 04/3/2010 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của anh T với số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H khai không có.

Chị H có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 31/12/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 14/5/2009. Anh T thừa nhận cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khi nhậu say anh T có hành vi đập phá đồ đạc, chửi bới và có đánh chị H mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nói chuyện với nhau thời gian dài. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý vì vẫn còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Như Ý – sinh ngày 04/3/2010, trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh T đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có.

Anh T có đơn xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập tài liệu chứng cứ, thủ tục cấp tống đạt và thời hạn giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền, nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng trình tự; nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Ý – sinh ngày 04/3/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị H yêu cầu ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện Đ nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" quy định tại Điều 28

của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Chị Phạm Thị Lệ H là nguyên đơn; anh Nguyễn Văn T là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thủ tục tống đạt: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo quy định, các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về đường lối giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vợ chồng chị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2009, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh T với lý do trong cuộc sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cách không hợp nhau. Bị đơn anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng do vẫn còn thương vợ con nên anh T không đồng ý ly hôn.

Do các đương sự đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không thể đoàn tụ do đó căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh. Đối với lý do không đồng ý ly hôn của anh T là còn thương vợ con, tuy nhiên quá trình hòa giải tại Tòa án anh T không có thiện chí hòa giải hoặc biện pháp để hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng nên không có cơ sở chấp nhận lý do trên.

Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Toà án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Thị Như Ý – sinh ngày 04/3/2010. Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý. Xét thấy chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, đồng thời cháu Ý cũng có nguyện vọng sống chung với chị H để ổn định việc học.

Vì vậy để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý cũng như sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần và quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Ý cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng và chị H cũng đồng ý với mức cấp dưỡng trên nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn, bị đơn phải chịu 3000.000 đồng án phí đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Lệ H về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Lệ H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như Ý – sinh ngày 04/3/2010 cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp ly hôn, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0014829 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huyền Trang

Nơi nhận :
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND xã Phú Ngọc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.